TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 108/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20-01-2020
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai
Ông Nguyễn Thành Thông

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 545/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị B, sinh năm 1958.
Địa chỉ: Số 139 Đường K, Phường R, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Lê Minh T (T Minh Le), sinh năm 1962.
Địa chỉ: Umbarger Rd Spc San Jose, CA 95111, USA.

(Các đương sự đều có yêu cầu xin được xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 18/9/2019 và Bản tự khai ngày 23/10/2019, nguyên đơn là bà Võ Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Minh T (T Minh Le) kết hôn vào năm 2008 tại California, Hoa Kỳ. Từ năm 2017 cho đến nay, giữa bà và ông Lê Minh T (T Minh Le) phát sinh nhiều mâu thuẫn, cảm thấy không thể sống chung với nhau được nữa, cả hai bên đều thuận tình ly hôn, nên bà yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Minh T (T Minh Le).

Về con chung: Bà khai giữa bà và ông Lê Minh T (T Minh Le) không có con chung.

Về tài sản chung: Bà khai giữa bà và ông Lê Minh T (T Minh Le) không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà khai giữa bà và ông Lê Minh T (T Minh Le) không có nợ chung.

Theo Đơn đồng ý ly hôn, xin không hòa giải đoàn tụ và xin xét xử vắng mặt đã được Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ chứng thực ngày 12/12/2019, bị đơn là ông Lê Minh T (T Minh Le) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Võ Thị B kết hôn vào năm 2008 theo Giấy chứng nhận kết hôn năm 2008 do California, Hoa Kỳ cấp. Ông đã biết việc bà Võ Thị B nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu giữa ông và bà Võ Thị B không có sự bất hòa nào, nhưng thời gian sau này lại phát sinh rất nhiều điều bất hòa đến mức không thể hàn gắn được. Do đó, ông đồng ý ly hôn với bà Võ Thị B.

Về con chung: Ông khai giữa ông và bà Võ Thị B không có con chung.

Về tài sản chung: Ông khai giữa ông và bà Võ Thị B không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông khai giữa ông và bà Võ Thị B không có nợ chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là bà Võ Thị B và bị đơn là ông Lê Minh T (T Minh Le) đều có yêu cầu xin được xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 18/9/2019, bà Võ Thị B có Đơn khởi kiện về việc ly hôn, yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận cho bà Võ Thị B được ly hôn với ông Lê Minh T (T Minh Le). Do ông Lê Minh T (T Minh Le) đang cư trú tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà Võ Thị B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng:

Nguyên đơn là bà Võ Thị B có Đơn xin vắng mặt ngày 09/01/2020, đồng thời bị đơn là ông Lê Minh T (T Minh Le) cũng có Đơn đồng ý ly hôn, xin không hòa giải đoàn tụ và xin xét xử vắng mặt đã được Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ chứng thực ngày 12/12/2019, nên căn cứ vào Khoản 4 Điều 207, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và Điểm a Khoản 1 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Võ Thị B và ông Lê Minh T (T Minh Le) có quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định. Đây là quan hệ hôn nhân hợp

pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Căn cứ vào các chứng cứ mà Tòa án thu thập được từ Bản tự khai ngày 23/10/2019 của bà Võ Thị B và Đơn đồng ý ly hôn, xin không hòa giải đoàn tụ và xin xét xử vắng mặt của ông Lê Minh T (T Minh Le) đã được Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ chứng thực ngày 12/12/2019, hai bên thống nhất thuận tình ly hôn nên có cơ sở xác định rằng mục đích của hôn nhân giữa bà Võ Thị B và ông Lê Minh T (T Minh Le) đã không đạt được. Do đó Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị B xin được ly hôn với ông Lê Minh T (T Minh Le).

Về con chung: Bà Võ Thị B và ông Lê Minh T (T Minh Le) đều khai không có.

Về tài sản chung: Bà Võ Thị B và ông Lê Minh T (T Minh Le) đều khai không có.

Về nợ chung: Bà Võ Thị B và ông Lê Minh T (T Minh Le) đều khai không có.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị B là nguyên đơn có yêu cầu ly hôn nên căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Võ Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 2 Điều 478 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Võ Thị B như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Võ Thị B và ông Lê Minh T (T Minh Le) thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị B và ông Lê Minh T (T Minh Le) chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

Bà Võ Thị B và ông Lê Minh T (T Minh Le) đều khai không có con chung.

3. Về tài sản chung:

Bà Võ Thị B và ông Lê Minh T (T Minh Le) đều khai không có tài sản chung.

4. Về nợ chung:

Bà Võ Thị B và ông Lê Minh T (T Minh Le) đều khai không có nợ chung.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà Võ Thị B đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0024629 ngày 03/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Võ Thị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị B vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với bà Võ Thị B là 15 ngày, kể từ ngày bà Võ Thị B được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Lê Minh T (T Minh Le) vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với ông Lê Minh T (T Minh Le) là 01 tháng, kể từ ngày ông Lê Minh T (T Minh Le) hoặc người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Minh T (T Minh Le) là bà Võ Thị B được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Mỹ Hạnh